

Chà Tở, ngày 14 tháng 01 năm 2026

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH 6 THÁNG CUỐI NĂM 2025

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TTBTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Trường PTDTBT Tiểu học Chà Tở công khai tình hình thực hiện dự toán thu - chi ngân sách 6 tháng cuối năm 2025 như sau:

ĐV tính: Triệu đồng

| Số TT | Nội dung                                         | Dự toán năm 2025 | Ước thực hiện 6 tháng cuối năm 2025 | Ước thực hiện 6 tháng cuối năm 2025/Dự toán năm (tỷ lệ %) | Ước thực hiện 6 tháng cuối năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %) |
|-------|--------------------------------------------------|------------------|-------------------------------------|-----------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------|
| 1     | 2                                                | 3                | 4                                   | 5                                                         | 6                                                                     |
| I     | Nguồn ngân sách trong nước                       |                  |                                     |                                                           |                                                                       |
| 1     | Chi quản lý hành chính                           |                  |                                     |                                                           |                                                                       |
| 2     | Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ              |                  |                                     |                                                           |                                                                       |
| 3     | Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề      | 6.275,0          | 5.863,5                             | 93,4%                                                     | 95,60%                                                                |
| 3.1   | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                   | 4.309,0          | 4.309,0                             | 100,0%                                                    | 90,6%                                                                 |
| 3.2   | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên             | 1.966,0          | 1.554,5                             | 79,1%                                                     | 112,7%                                                                |
| 4     | Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình           |                  |                                     |                                                           |                                                                       |
| 5     | Chi bảo đảm xã hội                               |                  |                                     |                                                           |                                                                       |
| 6     | Chi hoạt động kinh tế                            |                  |                                     |                                                           |                                                                       |
| 7     | Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường                  |                  |                                     |                                                           |                                                                       |
| 8     | Chi sự nghiệp văn hóa thông tin                  |                  |                                     |                                                           |                                                                       |
| 9     | Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn |                  |                                     |                                                           |                                                                       |
| 10    | Chi sự nghiệp thể dục thể thao                   |                  |                                     |                                                           |                                                                       |
| II    | Nguồn vốn viện trợ                               |                  |                                     |                                                           |                                                                       |
| 1     | Chi quản lý hành chính                           |                  |                                     |                                                           |                                                                       |
| 2     | Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ              |                  |                                     |                                                           |                                                                       |
| 3     | Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề      |                  |                                     |                                                           |                                                                       |
| 4     | Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình           |                  |                                     |                                                           |                                                                       |
| 5     | Chi bảo đảm xã hội                               |                  |                                     |                                                           |                                                                       |
| 6     | Chi hoạt động kinh tế                            |                  |                                     |                                                           |                                                                       |
| 7     | Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường                  |                  |                                     |                                                           |                                                                       |
| 8     | Chi sự nghiệp văn hóa thông tin                  |                  |                                     |                                                           |                                                                       |

| Số TT | Nội dung                                         | Dự toán năm 2025 | Ước thực hiện 6 tháng cuối năm 2025 | Ước thực hiện 6 tháng cuối năm 2025/Dự toán năm (tỷ lệ %) | Ước thực hiện 6 tháng cuối năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %) |
|-------|--------------------------------------------------|------------------|-------------------------------------|-----------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------|
| 9     | Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn |                  |                                     |                                                           |                                                                       |
| 10    | Chi sự nghiệp thể dục thể thao                   |                  |                                     |                                                           |                                                                       |
| III   | Nguồn vay nợ nước ngoài                          |                  |                                     |                                                           |                                                                       |
| 1     | Chi quản lý hành chính                           |                  |                                     |                                                           |                                                                       |
| 2     | Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ              |                  |                                     |                                                           |                                                                       |
| 3     | Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề      |                  |                                     |                                                           |                                                                       |
| 4     | Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình           |                  |                                     |                                                           |                                                                       |
| 5     | Chi bảo đảm xã hội                               |                  |                                     |                                                           |                                                                       |
| 6     | Chi hoạt động kinh tế                            |                  |                                     |                                                           |                                                                       |
| 7     | Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường                  |                  |                                     |                                                           |                                                                       |
| 8     | Chi sự nghiệp văn hóa thông tin                  |                  |                                     |                                                           |                                                                       |
| 9     | Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn |                  |                                     |                                                           |                                                                       |
| 10    | Chi sự nghiệp thể dục thể thao                   |                  |                                     |                                                           |                                                                       |

Chà Tở, ngày 14 tháng 01 năm 2026

Thủ trưởng đơn vị



*Phạm Thị Hồng Nhung*

Phạm Thị Hồng Nhung